

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HS-ST

Ngày: 21-01-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Thông

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Bích

Ông Hoàng Văn Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thân Thị Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 21/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2021/TLST-HS ngày 01/12/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 0 5/2022/QĐXXST-HS ngày 06/01/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Văn T** - sinh năm 1988; Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Là Đảng viên: Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hóa: 9/12. Con ông: Hoàng Văn B9 - sinh năm 1965; Con bà: Lâm Thị Th9 - sinh năm 1966; Gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ 3; Vợ: Dương Thị Thiều L9 - sinh năm 1988; Con: có 2 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Nhân thân: Năm 2013 bị Công an thành phố Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm giao thông (T đã nộp phạt).

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/4/2021. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Lê Văn Đ** - sinh năm 1988; Tên gọi khác: Không;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm M, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hóa: 9/12, : Con ông Lê Văn Đ9 - sinh năm 1965; Con bà: Lăng Thị S9 - sinh

năm 1966; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Tống Thị Đ – sinh năm 1995; Con: Có 01 con, sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2021. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.*

1. Dương Thị Thiều L – Sinh năm 1988 (có mặt).

STQ: Xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Tống Thị Đ – Sinh năm 1995 (có mặt).

STQ: Xóm M, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Dương Văn P – Sinh năm : 1987 (vắng mặt).

STQ: Thôn S, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

4. Trần Xuân H – Sinh năm: 1982 (vắng mặt).

STQ: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

5. Ngô Thị Đ – Sinh năm: 1986 (vắng mặt).

STQ: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

6. Đoàn Hà Tr – Sinh năm: 1994 (vắng mặt).

STQ: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai.

- *Người làm chứng:*

1. Phạm Viết A – Sinh năm: 1997 (vắng mặt).

STQ: xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng.

2. Hoàng Thị P – Sinh năm: 1991 (vắng mặt).

STQ: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. La Văn T – Sinh năm: 1991 (vắng mặt).

STQ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. La Thế Ch – Sinh năm: 1995 (vắng mặt).

STQ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

5. Nguyễn Bá H – Sinh năm: 1991 (vắng mặt).

STQ: Thôn P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 6h00 ngày 17/4/2021, tại Km 99 đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, thuộc địa phận xã Hương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; tổ công tác của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an phối hợp với Đội tuần tra kiểm soát giao thông đường bộ cao tốc số 2 và Phòng An ninh đối ngoại (PA01) Công an tỉnh Bắc Giang tiến hành kiểm tra xe ô tô 7 chỗ, nhãn hiệu Mitsubishi Joli, biển kiểm soát 20A – 273.83 đang dừng đỗ ở bên đường. Qua kiểm tra xác định lái xe là Lê Văn Đ, sinh năm 1988; nơi cư trú: Xóm Ba Mỏ, xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; bên cạnh xe có 06 người đàn ông Trung Quốc không có hộ chiếu, thị thực nhập cảnh vào Việt Nam. Tổ công tác lập biên bản sự việc và đưa số người Trung Quốc này về Trung tâm cách ly tập trung tỉnh Bắc Giang để phòng, chống dịch Covid-19. Kiểm tra chứng minh nhân dân (có mời người phiên dịch tham gia) xác định tên, tuổi và địa chỉ của những người Trung Quốc như sau:

1. Zuo L, sinh năm 1991- Giới tính: Nam, số CMND: 430304199105273770.

Nơi ở hiện nay: Thôn K, đường H, khu N, thành phố T, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc;

2. Wu Yun B, sinh năm 1997 - Giới tính: Nam, số CMND: 52212419970221091X.

Nơi ở hiện nay: Tổ H, thôn T, trấn A, huyện C, thành phố T, tỉnh Quý Châu, Trung Quốc;

3. Wu Lu L, sinh năm 2001 - Giới tính: Nam, số CMND: 522124200102120836.

Nơi ở hiện nay: Tổ H, thôn T, trấn A, huyện C, thành phố T, tỉnh Quý Châu, Trung Quốc;

4. You Ye J, sinh năm 1992 - Giới tính: Nam, số CMND: 43030419921030257X.

Nơi ở hiện nay: Thôn T, khu N, thành phố T, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc;

5. Kuang Xian J, sinh năm 1990- Giới tính: Nam, số CMND: 522124199004023236.

Nơi ở hiện nay: Tổ T, trấn M, huyện C, thành phố T, tỉnh Quý Châu, Trung Quốc;

6. Liu Y, sinh năm 1987 - Giới tính: Nam, số CMND: 430321198710147010.

Nơi ở hiện nay: Đường H, khu N, thành phố T, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc.

Thu giữ đồ vật, tài sản của 06 người Trung Quốc gồm:

- Thu giữ của Zuo L: 01 chứng minh nhân dân; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen số Imei1: 352977119128602, số Imei2: 352978117082439.

- Thu giữ của Wu Yun B: 01 chứng minh nhân dân; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám số Imei: 354850093225712.

- Thu giữ của Wu Lu L: 01 chứng minh nhân dân; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, số Imeil: 358800096997045, Imeil 2: 358800096743183.

- Thu giữ của You Ye J: 01 chứng minh nhân dân; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen số Imeil: 359168076665548.

- Thu giữ của Kuang Xian J: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu đen, số Imeil: 869830032134389, số Imeil2: 869830032220287.

- Thu giữ của Liu Y: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh số Imeil: 863570056510470, Imeil 2: 863570056510462.

- Thu giữ của Lê Văn Đ:

+ 01 (một) xe ô tô con màu xanh biển kiểm soát 20A-273.83, nhãn hiệu MITSUBISHI kèm theo 01 giấy bán xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Hoàng Như H; 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng C đều mang tên Lê Văn Đ;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu bạc, bên trong lắp 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048000068786852; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3, màu xanh đen, bên trong lắp 01 sim điện thoại số: 0912465798.

Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 06/QĐ-QLXNC-P6 ngày 19/4/2021 về tội: “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” theo Điều 348 Bộ luật hình sự và chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang để điều tra theo thẩm quyền .

Ngày 27/4/2021, Hoàng Văn T đến cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của bản thân; đã giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu tím, bên trong có lắp 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048008810099116.

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Hoàng Văn T là lái xe Taxi của hãng G7 tỉnh Thái Nguyên; buổi sáng ngày 16/4/2021, có một người phụ nữ không quen biết gọi điện cho T (số điện thoại của T: 0975.488.306) bảo đến đèo K thuộc huyện Q, tỉnh Cao Bằng đón 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, không có giấy tờ để đưa về tỉnh Bắc Giang lưu trú với giá 07 triệu đồng/người. Người phụ nữ trên hứa sẽ chuyển trước 06 triệu đồng vào tài khoản của T, khi nào T đón được người thì sẽ chuyển trả nốt số tiền còn lại, T đồng ý. Để tránh bị Công an phát hiện, T gọi điện cho Lê Văn Đ là lái xe Taxi ở hãng Mai Linh Thái Nguyên rủ đi đón 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam như người phụ nữ đã liên hệ với T. Hai bên thống nhất số tiền nhận được sẽ chia đôi mỗi người 20 triệu đồng, còn 02 triệu đồng để chi phí mua xăng dầu, Đ đồng ý. T gọi điện cho Dương Văn P, sinh năm 1987, ở thôn S, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (là anh vợ của T) rủ đi cùng để thay nhau lái xe, anh P đồng ý.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, Đ đến nhà T rồi điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 20A – 273.83 của T đi trước, T điều khiển xe ô tô Taxi biển kiểm soát 20A – 246.52

(xe của hãng G7 tỉnh Thái Nguyên) đi phía sau và đón anh P đi cùng, anh P điều khiển xe ô tô từ thành phố Thái Nguyên đi lên tỉnh Cao Bằng. Trên đường đi, T nhận được 06 triệu đồng từ số tài khoản 19036994109011; chủ tài khoản là Phạm Việt A, sinh năm 1997 ở xã N, huyện T, thành phố H (số tài khoản của T: 39010001206008 tại Ngân hàng BIDV). Khoảng 23 giờ cùng ngày, Đ lái xe đến khu vực đèo K thì dừng lại gọi điện thông báo cho T biết. Lúc này, xe của T đến ngã ba đường rẽ vào đèo K thuộc thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (cách đèo K 07 km). T dừng xe lại gọi điện thông báo cho người phụ nữ thuê đón người Trung Quốc biết, người phụ nữ này bảo T chờ, khi nào người Trung Quốc sang sẽ thông báo. T gọi điện báo cho Đ biết việc T đang cảnh giới ở đầu đường rẽ vào đèo K và bảo Đ chờ người Trung Quốc vượt biên đến. Do khu vực đèo K vắng vẻ, sợ bị phát hiện nên Đ điều khiển xe ô tô đi vào khu vực chợ T thuộc xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng (cách đèo K khoảng 04 km) để chờ. Khoảng 00 giờ ngày 17/4/2021, người phụ nữ trên gọi điện cho T nói người Trung Quốc đã được đưa đến đèo K; khi nào thấy 02 người đàn ông đứng cạnh xe máy ở ven đường thì nháy đèn làm tín hiệu để họ biết đưa người Trung Quốc lên xe. T gọi điện cho Đ quay lại đèo K đón người và làm theo lời của người phụ nữ dặn. Đ điều khiển đến đèo K thì nhìn thấy 02 người đàn ông đỗ xe máy ven đường, Đ nháy đèn xe làm tín hiệu, 02 người này vẫy xe Đ lại rồi gọi 06 người Trung Quốc (đều là nam giới) nấp trong bụi cây ven đường lên xe ô tô của Đ. Sau khi đón được 06 người Trung Quốc, Đ gọi điện báo T biết. Hai bên đã thống nhất đi về qua tỉnh Lạng Sơn, không qua tỉnh Bắc Kạn như lúc đi; T điều khiển xe đi trước để cảnh giới, Đ đi sau giữ khoảng cách khoảng 10 km. T gọi điện báo cho người phụ nữ biết đã đón được 06 người Trung Quốc, người phụ nữ bảo cứ đưa về địa phận tỉnh Bắc Giang sẽ có người liên hệ đón. Khoảng 15 phút sau, tài khoản 39010001206008 tại Ngân hàng BIDV của T nhận được số tiền 36 triệu đồng từ số tài khoản 102843608888 - chủ tài khoản: Nguyễn Bá H, sinh năm 1991 ở thôn P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Trên đường đi từ tỉnh Cao Bằng về tỉnh Bắc Giang, T lái xe còn anh P nằm ngủ; khi đến chốt kiểm soát ở thị trấn T, thành phố L thấy tổ công tác chỉ kiểm tra xe tải nên T gọi điện cho Đ bảo cứ đi qua. Khi đến Km 99 đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn (Trạm thu phí thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang), T thấy có nhiều Công an nên gọi điện báo cho Đ biết; Đ bảo T cứ đi trước, Đ sẽ cho 06 người Trung Quốc xuống xe, sau đó sẽ quay lại đón. Đ dừng xe ô tô, đưa 06 người Trung Quốc xuống nấp vào bụi chuối ven đường thì bị tổ công tác của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an phối hợp với Đội tuần tra kiểm soát giao thông đường bộ cao tốc số 2; Phòng PA01 Công an tỉnh Bắc Giang kiểm tra phát hiện.

Hoàng Văn T điều khiển xe ô tô đi về nhà, ngày 27/4/2021, T đã đến cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú.

Kết quả thu giữ điện tín xác định có phát sinh nhiều cuộc gọi đi - đến giữa Hoàng Văn T với Lê Văn Đ; phù hợp về thời gian và địa điểm đã liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, từ cuối tháng 3/2021 đến giữa tháng 4/2021, Lê Văn Đ, Hoàng Văn T và Dương Văn P còn nhiều lần lái xe chở người Trung Quốc từ tỉnh Lạng Sơn về tỉnh Bắc Giang do một người đàn ông không quen biết sử dụng

số điện thoại 0866.711.026 gọi điện thuê đón với số tiền công là 02 triệu đồng/người. Cụ thể như sau:

- Vào các ngày 31/3/2021; 02/4/2021; 05/4/2021; 06/4/2021 và 07/4/2021: Mỗi ngày Đ và T đều được người đàn ông gọi điện thuê đón 08 người Trung Quốc (mỗi xe 04 người) từ khu vực chợ Đ, thành phố L đưa về huyện V, tỉnh Bắc Giang rồi có người liên hệ đón đưa đi tiếp.

- Ngày 11/4/2021: Đ và T đều được người đàn ông trên gọi điện thuê đón 8 người Trung Quốc (mỗi xe 04 người) từ khu vực chợ Đ, thành phố L rồi đưa về nhà nghỉ Hương Quỳnh ở thị trấn Nénh, huyện V, tỉnh Bắc Giang (do bà Ngô Thị Đ và ông Trần Xuân H làm chủ);

- Ngày 15/4/2021, Đ nhận được điện thoại của người đàn ông trên thuê đón 12 người Trung Quốc từ khu vực chợ Đ, thành phố L đưa về nhà nghỉ Hương Quỳnh, Đ bảo T và P đi cùng (mỗi xe chở 04 người) đón nhóm người Trung Quốc về nhà nghỉ.

Những lần chở nhóm người Trung Quốc trên, Đ và T đều không biết họ có giấy tờ nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam hay không; quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi và địa chỉ của nhóm người Trung Quốc này; không rõ hiện đang ở đâu; có visa thị thực nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam không. Do vậy, cơ quan điều tra không đủ cơ sở kết luận Lê Văn Đ, Hoàng Văn T đã có hành vi tổ chức cho những người Trung Quốc trên ở lại Việt Nam trái phép.

- Đối với Dương Văn P đã cùng T và Đ chở 12 người Trung Quốc từ thành phố Lạng Sơn về Bắc Giang ngày 15/4/2021 và đã điều khiển xe ô tô cùng T đi lên tỉnh Cao Bằng đón 06 người Trung Quốc ngày 16/4/2021, cả 02 lần P đều được T rủ đi cùng; không trực tiếp liên lạc, không biết những người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam bằng cách nào. Do vậy, cơ quan điều tra không xem xét để xử lý với anh Dương Văn P là có căn cứ.

- Đối với người phụ nữ thuê T chở 06 người Trung Quốc từ tỉnh Cao Bằng về tỉnh Bắc Giang, T không nhớ số điện thoại, không biết lai lịch của người này, Cơ quan điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không có cơ sở để điều tra làm rõ.

- Nguyễn Bá H là người đã chuyển 36 triệu đồng cho Hoàng Văn T ngày 16/4/2021 là do H được người phụ nữ tên Thảo quen biết trong thời gian sang làm ăn ở Trung Quốc (không biết địa chỉ cụ thể) nhờ chuyển tiền giúp không biết việc chuyển tiền để tổ chức cho 06 người Trung Quốc vượt biên để ở lại Việt Nam trái phép. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Nguyễn Bá H với vai trò đồng phạm là có căn cứ.

- Đối với Phạm Viết A - chủ số tài khoản ngân hàng đã chuyển 06 triệu đồng vào tài khoản của Hoàng Văn T chiều ngày 16/4/2021: A khai số tài khoản này A đã cho Đoàn Hà Tr – sinh năm 1994 ở thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai (là bạn gái của A) dùng để làm dịch vụ đổi tiền, A không biết việc Tr đổi tiền cụ thể như nào. Đoàn Hà Tr xác nhận tài khoản ngân hàng trên của Phạm Viết A là do Tr sử dụng để làm dịch vụ đổi tiền; Tr đã chuyển 06 triệu đồng vào tài khoản của Hoàng Văn T ngày 16/4/2021. Tr không nhớ người liên hệ để đổi tiền nên Cơ quan điều tra không có cơ sở

để đấu tranh làm rõ. Hành vi trao đổi, mua bán tiền Trung Quốc (Nhân dân tệ) của Tr đã vi phạm Điểm h, Khoản 3, Điều 23 Nghị định 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Ngày 08/11/2021 cơ quan điều tra có văn bản số 1398/ANĐT đề nghị Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh tỉnh Lào Cai xem xét xử phạt vi phạm hành chính với Đoàn Hà Tr về hành vi này.

- Đối với Trần Xuân H và chị Ngô Thị Đ là chủ nhà nghỉ Hương Quỳnh đã cho những người Trung Quốc do T, Đ, P đưa đến lưu trú nhưng anh Hải, chị Đức không biết những nhóm người Trung Quốc trên có hay không có giấy tờ nhập cảnh vào Việt Nam và đã không khai báo với Cơ quan chức năng. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang không xem xét để xử lý với anh Hải, chị Đức là có căn cứ và có văn bản số 1396/ANĐT, ngày 08/11/2021 gửi Công an huyện V đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Trần Xuân H về hành vi: “Cho người nước ngoài nghỉ qua đêm nhưng không khai báo” quy định tại Điểm g, Khoản 2, Điều 17 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ .

- La Văn T, sinh năm 1991; trú tại: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang là người liên hệ đặt phòng cho những người Trung Quốc lưu trú tại nhà nghỉ Hương Quỳnh; mua cơm và thanh toán tiền nhà nghỉ cho họ. Tăng khai được một người tên Minh ở Thanh Hóa (Tăng quen khi làm ăn bên Trung Quốc, không biết nhân thân, lai lịch cụ thể) nhờ; sau đó T nhờ La Thế Ch, sinh năm 1995 ở xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang (em họ của T) giúp. Hiện C không có mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ .

- Đối với 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam đã vi phạm điểm a, khoản 3, Điều 17, Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định”. Ngày 17/4/2021, Phòng An ninh đối ngoại Công an tỉnh Bắc Giang đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính .

\* Về xử lý vật chứng, tài sản đã thu giữ trong vụ án:

Đối với 06 chiếc điện thoại và các giấy chứng minh nhân dân thu giữ của nhóm người Trung Quốc không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với vật chứng, tài sản còn lại Cơ quan điều tra quyết định nhập kho vật chứng làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Số tiền 40.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính do gia đình bị can Lê Văn Đ và Hoàng Văn T nộp lại cho Cơ quan An ninh điều tra (đã nộp tiền vào tài khoản kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Giang).

Kiểm sát viên thực hành công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, Cáo trạng số 83/CT-VKS-P1 ngày 30/11/2021 của Viện KSND tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo Hoàng Văn T, Lê Văn Đ về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015, với tình tiết định khung “đối với từ 5 người

đến 10 người” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Vì vậy, tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử các bị cáo Hoàng Văn T và Lê Văn Đ về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”

Đề nghị HĐXX xử phạt Hoàng Văn T và Lê Văn Đ về tội "*Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép*".

## **2. Về hình phạt**

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 348; Điều 17; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù về tội "*Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép*"; thời hạn tù được tính từ ngày 27/4/2021

Không áp dụng phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

2. Áp dụng Điểm c Khoản 2 và Khoản 4 Điều 348; Điều 17; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù về tội "*Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép*"; thời hạn tù được tính từ ngày 20/4/2021.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 10 triệu đồng.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí trong vụ án.

Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không ai có ý kiến tranh luận.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật bị cáo mong hội đồng xét xử xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được về với gia đình.

Bị Cáo Đ nói lời sau cùng: Bị cáo biết việc làm của bị cáo là sai trong thời gian bị giam giữ bị cáo biết ăn năn hối cải bị cáo mong hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được về với gia đình.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng như người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên những người này đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người

có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng theo Điều 293 và Điều 293. Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận:

Buổi sáng ngày 16/4/2021 Hoàng Văn T được một người phụ nữ không quen biết gọi điện thuê đón 06 người Trung Quốc đã nhập cảnh trái phép vào Việt Nam tại khu vực đèo K thuộc địa phận thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng đưa về tỉnh Bắc Giang lưu trú với giá 07 triệu đồng/người. T nói lại cho Lê Văn Đ biết và nhờ Đ điều khiển xe ô tô loại 7 chỗ, nhãn hiệu Mitsubishi Joli, biển kiểm soát 20A – 273.83 của T. Sau khi đón được người T điều khiển xe taxi biển kiểm soát 20A – 246.52 đi trước để cảnh giới tránh bị Công an phát hiện. Đ điều khiển xe biển kiểm soát 20A - 27383 của T chở người Trung Quốc đi sau.

Khoảng 6h00 ngày 17/4/2021, Đ điều khiển xe ô tô chở 06 người Trung Quốc gồm: Zuo L, sinh năm 1991, Wu Yun B, sinh năm 1997, Wu Lu L, sinh năm 2001, You Ye J, sinh năm 1992, Kuang Xian J, sinh năm 1990, Liu Y, sinh năm 1987 về đến Km 99 đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, thuộc địa phận xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang thì T gọi điện thông báo thấy có nhiều Công an ở khu vực trạm thu phí. Đ dừng xe ở ven đường bảo những người Trung Quốc xuống xe đi vào bụi chuối gần đó lần trốn thì bị tổ công tác của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an phối hợp với Đội tuần tra kiểm soát giao thông đường bộ cao tốc số 2 và Phòng An ninh đối ngoại (PA01) Công an tỉnh Bắc Giang kiểm tra, phát hiện.

Hành vi của bị cáo Hoàng Văn T và bị cáo Lê Văn Đ đã xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, làm giảm hiệu quả và hiệu lực quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực quản lý cư trú đối với người nước ngoài ở Việt Nam; gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Việc các bị cáo tổ chức cho người nước ngoài ở lại Việt Nam không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng làm tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm khác và nhiều vấn đề về an ninh trật tự. Chỉ vì lợi ích cá nhân, mà các bị cáo đã tiếp tay cho người nước ngoài ở lại Việt Nam trái phép. Điều này, để lại những hệ lụy khó lường đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp tại nhiều quốc gia trên thế giới. Chỉ cần một trong số những người nhập cảnh và ở lại Việt Nam trái phép bị mắc Covid-19 thì sẽ dẫn đến những hậu quả khôn lường đối với cả cộng đồng. Vì vậy cần xử lý các bị cáo bằng một bản án với mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, có như vậy mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm và phòng ngừa dịch bệnh hiện nay.

Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án này thì thấy: Các bị cáo có vai trò ngang nhau tuy nhiên bị cáo T có nhân thân xấu bị cáo đã bị Công an thành phố Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm giao thông do vậy bị cáo T phải chịu mức án cao hơn bị cáo Đ.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy

- Về tình tiết tăng nặng của các bị cáo thì thấy: Bị cáo Hoàng Văn T và Lê Văn Đ đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo: Sau khi phạm tội Hoàng Văn T và Lê Văn Đ đầu thú; quá trình điều tra vụ án, Hoàng Văn T và Lê Văn Đ đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mỗi bị cáo đều đã tác động gia đình nộp lại số tiền thu lời bất chính là 20.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với Dương Văn P đã cùng T và Đ chở 12 người Trung Quốc từ thành phố L về Bắc Giang ngày 15/4/2021 và đã điều khiển xe ô tô cùng T đi lên tỉnh Cao Bằng đón 06 người Trung Quốc ngày 16/4/2021, cả 02 lần P đều được T rủ đi cùng; không trực tiếp liên lạc, không biết những người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam bằng cách nào. Do vậy, cơ quan điều tra không xem xét để xử lý với anh Dương Văn P là có căn cứ .

- Đối với người phụ nữ thuê T chở 06 người Trung Quốc từ tỉnh Cao Bằng về tỉnh Bắc Giang, T không nhớ số điện thoại, không biết lai lịch của người này, Cơ quan điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không có cơ sở để điều tra làm rõ.

- Nguyễn Bá H là người đã chuyển 36 triệu đồng cho Hoàng Văn T ngày 16/4/2021 là do H được người phụ nữ tên T quen biết trong thời gian sang làm ăn ở Trung Quốc (không biết địa chỉ cụ thể) nhờ chuyển tiền giúp không biết việc chuyển tiền để tổ chức cho 06 người Trung Quốc vượt biên để ở lại Việt Nam trái phép. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Nguyễn Bá H với vai trò đồng phạm là có căn cứ.

- Đối với Phạm Viết A - chủ sở tài khoản ngân hàng đã chuyển 06 triệu đồng vào tài khoản của Hoàng Văn T chiều ngày 16/4/2021: A khai số tài khoản này A đã cho Đoàn Hà Tr – sinh năm 1994 ở thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai (là bạn gái của A) dùng để làm dịch vụ đổi tiền, A không biết việc Tr đổi tiền cụ thể như nào. Đoàn Hà Tr xác nhận tài khoản ngân hàng trên của Phạm Viết A là do Tr sử dụng để làm dịch vụ đổi tiền; Tr đã chuyển 06 triệu đồng vào tài khoản của Hoàng Văn T ngày 16/4/2021. Tr không nhớ người liên hệ để đổi tiền nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để đầu tranh làm rõ. Hành vi trao đổi, mua bán tiền Trung Quốc (Nhân dân tệ) của Tr đã vi phạm Điểm h, Khoản 3, Điều 23 Nghị định 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Ngày 08/11/2021 cơ quan điều tra có văn bản số 1398/ANĐT đề nghị Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh tỉnh Lào Cai xem xét xử phạt vi phạm hành chính với Đoàn Hà Tr về hành vi này.

- Đối với Trần Xuân H và chị Ngô Thị Đ là chủ nhà nghỉ Hương Quỳnh đã cho những người Trung Quốc do T, Đ, P đưa đến lưu trú nhưng anh Hải, chị Đức không biết những nhóm người Trung Quốc trên có hay không có .giấy tờ nhập cảnh vào Việt Nam và đã không khai báo với Cơ quan chức năng. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang không xem xét để xử lý với anh Hải, chị Đức là có căn

cứ và có văn bản số 1396/ANĐT, ngày 08/11/2021 gửi Công an huyện V đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Trần Xuân H về hành vi: “Cho người nước ngoài nghỉ qua đêm nhưng không khai báo” quy định tại Điểm g, Khoản 2, Điều 17 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ .

- La Văn T, sinh năm 1991; trú tại: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang là người liên hệ đặt phòng cho những người Trung Quốc lưu trú tại nhà nghỉ Hương Quỳnh; mua cơm và thanh toán tiền nhà nghỉ cho họ. Tăng khai được một người tên Minh ở Thanh Hóa (T quen khi làm ăn bên Trung Quốc, không biết nhân thân, lai lịch cụ thể) nhờ; sau đó T nhờ La Thế Ch, sinh năm 1995 ở xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang (em họ của Tăng) giúp. Hiện Ch không có mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ .

- Đối với 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam đã vi phạm điểm a, khoản 3, Điều 17, Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định”. Ngày 17/4/2021, Phòng An ninh đối ngoại Công an tỉnh Bắc Giang đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính

- Về xử lý vật chứng và tài sản: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

+ Cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước một số tài sản là công cụ, phương tiện mà các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội gồm:

-01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu bạc, Imei: 355721070883303, bên trong có lắp 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048000068786852 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3, màu xanh đen, kiểu máy RMX1821, bên trong có lắp 01 sim điện thoại số: 0912465798 của Lê Văn Đ được niêm phong trong một phong bì thư.

-01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu tím, Imei 1: 359051094286895/01, Imei 2: 359052094286893/01, bên trong có lắp 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048008810099116 của Hoàng Văn T, được niêm phong trong một phong bì thư được niêm phong trong một phong bì thư.

- Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 20A-273.83, nhãn hiệu MITSUBISHI, số khung VB2W41002677, số máy 4G63RZ03157 là phương tiện bị cáo Hoàng Văn T đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô này là tài sản chung của vợ chồng bị cáo T nên cần tịch thu giá trị 1/2 chiếc xe ô tô tại thời điểm đấu giá tài sản để thi hành án.

+ Đối với số tiền 40.000.000 đồng ( Bốn mươi triệu đồng) đã nộp kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Giang, quá trình điều tra đã xác định là tiền thu lời bất chính của các bị cáo (do gia đình nộp lại) cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Quá trình điều tra đã xác định một số tài sản đã thu giữ của bị cáo Lê Văn Đ và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần trả lại; cụ thể:

Trả cho bị cáo Lê Văn Đ: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 091513656, 01 (một) Giấy phép lái xe số 190163006208 đều mang tên Lê Văn Đ.

Trả cho anh Trần Xuân H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro, màu xanh, Imei 1: 35644608137736/01, Imei 2: 356447081377734/01, bên trong có lắp 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048000063516330 được niêm phong trong một phong bì thư và 01 (một) Đầu thu Camera nhãn hiệu HIKVISION, màu đen, trắng bạc, Model: DS-7208HVHI-K1; SN: CV370962285, 01 (một) Thiết bị điện tử màu đen, Model: TL-SG 1016D; Power: 100-240V-50/60Hz 30A đều được niêm phong trong một hộp cát tông.

Trả cho chị Ngô Thị Đ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20, màu đỏ, Imei 1: 357086105047425/01, Imei 2: 357087105047423/01, bên trong có lắp 01 sim điện thoại số: 0963787629 được niêm phong trong một phong bì thư.

Trả cho anh Dương Văn P: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 Plus, màu vàng đồng, Imei 1: 352700078823274/01, Imei 2: 352701078823272/01, bên trong có lắp 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048008822780431 được niêm phong trong một phong bì thư.

Trả cho chị Đoàn Hà Tr: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus Imei: 35330076984123 bên trong có lắp 01 sim có số: 0359647628 được niêm phong trong một phong bì thư.

Trả cho chị Dương Thị Thiệu L (vợ bị cáo Hoàng Văn T) giá trị 1/2 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 20A-273.83, nhãn hiệu MITSUBISHI, số khung VB2W41002677, số máy 4G63RZ03157 tại thời điểm đấu giá tài sản để thi hành án.

- Về án phí HSST: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội buộc bị cáo Lê Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí cho bị cáo Hoàng Văn T do bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại địa phương có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] - Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 348; Điều 17; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 06 năm tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép"; thời hạn tù được tính từ ngày 27/4/2021.

không áp dụng phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

2. Áp dụng Điểm c Khoản 2 và Khoản 4 Điều 348; Điều 17; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 05 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép"; thời hạn tù được tính từ ngày 20/4/2021.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 10 triệu đồng.

[2]. Về xử lý vật chứng và tài sản:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước một số tài sản là công cụ, phương tiện mà các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội gồm:

-01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu bạc, Imei: 355721070883303, bên trong có lắp 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048000068786852 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3, màu xanh đen, kiểu máy RMX1821, bên trong có lắp 01 sim điện thoại số: 0912465798 của Lê Văn Đ được niêm phong trong một phong bì thư.

-01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu tím, Imei 1: 359051094286895/01, Imei 2: 359052094286893/01, bên trong có lắp 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048008810099116 của Hoàng Văn T, được niêm phong trong một phong bì thư được niêm phong trong một phong bì thư.

-Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 20A-273.83, nhãn hiệu MITSUBISHI, số khung VB2W41002677, số máy 4G63RZ03157 là phương tiện bị cáo Hoàng Văn T đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô này là tài sản chung của vợ chồng bị cáo T nên cần tịch thu giá trị 1/2 chiếc xe ô tô tại thời điểm bán đấu giá tài sản để thi hành án.

+ Đối với số tiền 40.000.000 đồng ( Bốn mươi triệu đồng) đã nộp kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Giang, quá trình điều tra đã xác định là tiền thu lời bất chính của các bị cáo (do gia đình nộp lại) cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Quá trình điều tra đã xác định một số tài sản đã thu giữ của bị cáo Lê Văn Đ và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần trả lại; cụ thể:

Trả cho bị cáo Lê Văn Đ: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 091513656, 01 (một) Giấy phép lái xe số 190163006208 đều mang tên Lê Văn Đ.

Trả cho anh Trần Xuân H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro, màu xanh, Imei 1: 35644608137736/01, Imei 2: 356447081377734/01, bên trong có lắp 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048000063516330 được niêm phong trong một phong bì thư và 01 (một) Đầu thu Camera nhãn hiệu HIKVISION, màu đen, trắng bạc, Model: DS-7208HVHI-K1; SN: CV370962285, 01 (một) Thiết bị điện tử màu đen, Model: TL-SG 1016D; Power: 100-240V-50/60Hz 30A đều được niêm phong trong một hộp cát tông.

Trả cho chị Ngô Thị Đ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20, màu đỏ, Imei 1: 357086105047425/01, Imei 2: 357087105047423/01, bên trong có lắp 01 sim điện thoại số: 0963787629 được niêm phong trong một phong bì thư.

Trả cho anh Dương Văn P: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 Plus, màu vàng đồng, Imei 1: 352700078823274/01, Imei 2: 352701078823272/01,

bên trong có lắp 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048008822780431 được niêm phong trong một phong bì thư.

Trả cho chị Đoàn Hà Tr: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus Imei: 35330076984123 bên trong có lắp 01 sim có số: 0359647628 được niêm phong trong một phong bì thư.

Trả cho chị Dương Thị Thiều L (vợ bị cáo Hoàng Văn T) giá trị 1/2 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 20A-273.83, nhãn hiệu MITSUBISHI, số khung VB2W41002677, số máy 4G63RZ03157 tại thời điểm đấu giá tài sản để thi hành án.

- *Về án phí HSST*: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội buộc bị cáo Lê Văn Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí cho bị cáo Hoàng Văn T do bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại địa phương có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp Bắc Giang;
- Bị cáo;
- DS vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Trung Thông**

